

**BÁO CÁO NHANH**

**Tình hình sản xuất nông nghiệp**

(Đến ngày 15 tháng 12 năm 2022)

**1. Kết quả sản xuất chủ yếu**

**a) Sản xuất lúa**

STT	Địa phương	Vụ Đông Xuân 2022-2023				Vụ Mùa 2022-2023			
		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch		Kế hoạch (ha)	DT gieo sạ (ha)	Thu hoạch	
				DT (ha)	NS (tấn/ha)			DT (ha)	NS (tấn/ha)
01	Tp. Hà Tiên					600	589		
02	Giang Thành	29.100	27.300			200	186		
03	Kiên Lương	23.500	23.000						
04	Hòn Đất	79.500	77.842						
05	Tp. Rạch Giá	5.488	5.439						
06	Châu Thành	19.100	18.669						
07	Tân Hiệp	36.662	36.598						
08	Giồng Riềng	46.600	44.104						
09	Gò Quao	25.200	24.948			1.550	1.549		
10	An Biên	5.600	6.020			20.000	20.027	7.356	5,54
11	An Minh					23.500	25.580	3.620	4,60
12	Vĩnh Thuận	3.800	3.354	30	5,60	14.000	13.133	6.795	5,20
13	UM.Thượng	6.450	6.358	342	5,40	8.600	7.436	368	5,35
<b>Tổng cộng</b>		<b>281.000</b>	<b>273.632</b>	<b>372</b>	<b>5,42</b>	<b>68.450</b>	<b>68.500</b>	<b>18.139</b>	<b>5,22</b>

**b) Sản xuất vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022**

STT	Địa phương	Kế hoạch (ha)	Diện tích (ha)				Sản lượng thu hoạch (tấn)
			Tổng số	Trong đó			
				Nuôi CN	Tôm lúa	Tôm QCCT	
01	Tp. Hà Tiên	2.390	2.540	680		1.860	5.520
02	Kiên Lương	8.050	7.880	2.530	900	4.450	27.385
03	Giang Thành	3.350	3.200	195		3.005	5.270
04	Hòn Đất	4.970	4.020	420	2.200	1.400	6.375
05	An Biên	25.350	24.905	25	21.077	3.803	12.070
06	An Minh	53.850	57.946	32	49.195	8.719	26.023
07	Vĩnh Thuận	29.530	29.510		25.010	4.500	20.760
08	UM.Thượng	9.250	9.266		9.266		4.750
09	Gò Quao	3.890	4.085		2.390	1.695	3.447
<b>Tổng cộng</b>		<b>140.630</b>	<b>143.352</b>	<b>3.882</b>	<b>110.038</b>	<b>29.432</b>	<b>111.600</b>

## 2. Tình hình chung

- **Vụ Mùa 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 68.500 ha/68.450 ha, đạt 100,07% kế hoạch. Đến nay, đã thu hoạch được 18.139 ha, đạt 26,48% diện tích gieo trồng, năng suất bình quân ước đạt 5,22 tấn, sản lượng 94.686 tấn.

- **Vụ Đông Xuân 2022-2023:** Diện tích gieo trồng được 273.632 ha/281.000 ha, đạt 97,38% kế hoạch. Thu hoạch được 372 ha, năng suất bình quân ước đạt 5,22 tấn/ha.

- **Vụ nuôi tôm nước lợ năm 2022:** Diện tích thả nuôi được 143.352 ha/140.630 ha, đạt 101,93% kế hoạch và tăng 4,32% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi tôm công nghiệp 3.882 ha; nuôi tôm quảng canh-quảng canh cải tiến 29.432 ha và nuôi tôm - lúa 110.038 ha. Ước sản lượng thu hoạch đến nay đạt 111.600 tấn, đạt 102,86% kế hoạch và tăng 7,18% so cùng kỳ.

**3. Tình hình sinh vật gây hại trên lúa:** Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh trên lúa Đông Xuân và Mùa 2022 - 2023 là 5.570 ha (*tăng 101 ha so với tuần trước*). Trong đó diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân là 4.099 ha và Mùa là 1.471 ha. Các đối tượng dịch hại bao gồm: Bệnh lem lép hạt diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân và Mùa là 1.610 ha (*giảm 1.790 ha so với tuần trước*). Trong đó, vụ Đông Xuân là 636 ha và vụ Mùa là 974 ha; Bệnh cháy bìa lá: diện tích nhiễm trên lúa Đông Xuân và Mùa là 653 ha (*giảm 38 ha so với tuần trước*). Trong đó, vụ Đông Xuân là 373 ha và vụ Mùa là 280 ha, diện tích chủ yếu nhiễm nhẹ (tỷ lệ 10-20%), cấp bệnh 1-5, xuất hiện ở huyện U Minh Thượng. Ngoài ra các đối tượng gây hại như: Đạo ôn lá, rầy nâu, bọ lạch sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, chuột, sâu đục thân, rầy phấn trắng, muỗi hành, OBV,... xuất hiện và gây hại ở mức rải rác đến nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa.

## 4. Thông tin thị trường

- |                                   |                                      |  |
|-----------------------------------|--------------------------------------|--|
| - Lúa thường (tươi): 6.400-6.600đ | - Heo hơi: 54.000đ-56.000 đ          | - Urê: 15.000-15.400đ                      |
| - Lúa CLC (tươi): 6.700-6.800đ    | - Tôm sú (30c/kg): 190.000đ-195.000đ | - NPK (16-16-8): 22.800đ                   |
| - Gạo thường: 11.500đ-12.500đ     | - Tôm thẻ (100c/kg): 80.000đ-85.000đ | - NPK (20-20-15): 24.600đ                  |
| - Gạo CLC: 15.000đ-16.000đ        | - Cá bớp: 190.000-200.000đ           | - KCL: 18.200 đ - DAP: 29.200đ <i>Khai</i> |

### Nơi nhận:

- Cục trồng trọt (I+II), Vụ nuôi trồng TS;
- TT Tin học & Thống kê (Bộ NN);
- VP.TU, VP.UBND tỉnh;
- Cục Thống kê, Sở KH-ĐT, Sở Công Thương;
- BGĐ Sở;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, Tp;
- Website Sở;
- Lưu: VT, KH-TC, hngoc.



**Thái Thanh Tâm**